

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

-Bản án số: 276/2024/HNGĐ-ST

-Ngày: 15/7/2024

- V/v: Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Anh Chiến**

2. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Nguyễn Sỹ Đăng** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* ông **Ngô Thành Khánh Duy** Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Huy C, sinh năm 1987.**

Địa chỉ: ấp Bình Quới T, xã B, huyện C, tỉnh T

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.**

Địa chỉ: ấp Hòa T, xã Hòa Đ, huyện C, tỉnh T

(anh C có đơn xin vắng mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn Nguyễn Huy C trình bày:* Chị và chị H chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102, ngày 28/11/2008. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến năm 2022 giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh đã từng gửi đơn xin ly hôn nhưng không được chấp nhận cho ly hôn vì chị H năn nỉ, hàn gắn tình cảm. Qua một năm, kể từ ngày Tòa án không chấp nhận yêu cầu

ly hôn, vợ chồng anh vẫn không sống chung với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 23/9/2009 và Nguyễn Huy M, sinh ngày 29/11/2015, đang sống với anh C. Anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh C có đơn xin vắng mặt.

** Bị đơn Nguyễn Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh C, cho anh được ly hôn với chị H. Đối với yêu cầu về con chung: con chung đang sống ổn định và có nguyện vọng sống với anh C nên anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh C trực tiếp nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: anh C trình bày anh và chị H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Anh C và chị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102, ngày 28/11/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn thường trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay anh C xin ly hôn với chị H, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh C yêu cầu ly hôn với chị H vì thời gian qua giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn tình cảm, không chung sống với nhau dù Tòa án đã từng không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh, vì vậy, anh tiếp tục yêu cầu ly hôn với chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên anh C xin ly hôn. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 622/2022/HNGĐ-ST ngày 19/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử vụ án hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa anh với chị H và đã tuyên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C nhằm tạo điều kiện cho anh và chị H được hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng chăm sóc cho các con chung. Tuy nhiên, từ đó đến nay, anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh C tiếp tục xin ly hôn với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như không có văn bản thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, cho anh C được ly hôn với chị H.

[4] Về con chung: Anh C và chị H có con chung tên Nguyễn Ngọc Yến Nhi, sinh ngày 23/9/2009 và Nguyễn Huy Mạnh, sinh ngày 29/11/2015, đang sống với anh C. Anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Nhi và Mạnh đang sống ổn định và có nguyện vọng được sống với anh C; chị H vắng mặt và không có ý kiến về việc tranh chấp nuôi con chung do đó để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển toàn diện về mọi mặt, cần giao anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, giao anh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H vắng mặt; anh C trình bày vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, anh C và chị H được quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huy C.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Huy C được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

+ Anh Nguyễn Huy C được quyền trực tiếp nuôi Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 23/9/2009 và Nguyễn Huy M, sinh ngày 29/11/2015.

+ Anh Nguyễn Huy C không yêu cầu chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Huy C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai

thu số 0007159 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, anh C đã nộp xong án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, anh C và chị H được quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C
- UBND xã B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Văn Tài

